

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DINH DƯỠNG TRONG CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU CHO TRẺ EM

Ths. Đỗ Thị Kim

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non,
Đại học Hùng Vương

TÓM TẮT

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em đang là vấn đề cấp thiết, thiết thực không chỉ với bậc học mầm non mà với toàn thể xã hội nói chung, vì vậy 8 điểm chăm sóc sức khỏe ban đầu luôn là nội dung chính của hoạt động giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe. Đó là những kiến thức giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cơ bản cần phải được tuyên truyền ngày càng sâu rộng trong cộng đồng của chúng ta.

I. Mở đầu

Trẻ em là tương lai của đất nước, trẻ em cần được chăm sóc, giáo dục đầy đủ về mọi mặt, đặc biệt là lứa tuổi mầm non. Việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho mọi người nói chung, cho trẻ em nói riêng là vô cùng cấp thiết.

Chăm sóc sức khỏe ban đầu là chăm sóc tại nhà, tại phường, tại xã, tại cộng đồng, nơi người dân sinh sống lớn lên, chăm sóc sức khỏe cho người khỏe, không nhất thiết phải do cán bộ y tế tiến hành mà do người dân tự chăm sóc sức khỏe cho mình.

II. Nội dung

Tình hình dinh dưỡng của trẻ em nước ta nói chung còn kém do nhiều nguyên nhân. Vấn đề thu nhập thấp, thiếu ăn là một trong những nguyên nhân quan trọng gây thiếu dinh dưỡng, song tình trạng thiếu hiểu biết về dinh dưỡng trẻ em của nhân dân cũng rất phổ biến và là nguyên nhân làm tăng tỉ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng và trẻ em bị béo phì.

Để đảm bảo sức khỏe cho bà

mẹ và trẻ em, chúng ta cần phải chú ý cải thiện tình trạng dinh dưỡng - đây là một hoạt động lồng ghép: vừa chú ý sản xuất tạo nguồn thực phẩm bổ sung (xây dựng hệ sinh thái V.A.C), vừa cải thiện chăm sóc y tế (tiêm chủng, Oresol chống tiêu chảy), vừa giáo dục nâng cao trình độ hiểu biết về dinh dưỡng của nhân dân. Điều này được thể hiện rõ trong 8 điểm chăm sóc sức khỏe ban đầu mà các nước nói chung, Việt Nam nói riêng đang phấn đấu để thực hiện được tốt đó là:

1. Theo dõi sức khỏe của trẻ bằng biểu đồ phát triển.
2. Dùng Oresol chống tả chảy.
3. Trẻ được bú sữa mẹ.
4. Phòng chống thiếu vitamin A. Tiêm chủng.
5. Thực hiện kế hoạch hóa gia đình.
6. Thức ăn bổ sung.
7. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.
8. Phòng các tai biến sản khoa.

Theo dõi sức khỏe của trẻ bằng biểu đồ phát triển thông

qua việc kiểm tra sức khỏe định kì cho trẻ (trẻ nhà trẻ 1 tháng/1 lần, trẻ mẫu giáo 3 tháng/1 lần). Nhìn vào biểu đồ, ta dễ dàng đánh giá sự lớn lên của trẻ, biết rõ trẻ phát triển bình thường hay không và chuẩn đoán sớm tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ kịp thời, từ đó sớm tìm ra được các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ như: thiếu ăn, ăn không đúng cách, bị nhiễm khuẩn của bệnh đường hô hấp, bệnh đường tiêu hóa.

Biểu đồ phát triển của trẻ em còn là công cụ giáo dục hiệu quả thiết thực có sức thuyết phục cao đối với các bậc cha mẹ và còn có ý nghĩa lớn đối với những nhà lập kế hoạch, cán bộ y tế, những người làm công tác nuôi dưỡng chăm sóc trẻ. Trên cơ sở biểu đồ, có thể đánh giá được tình trạng dinh dưỡng sức khỏe của từng trẻ, của tập thể trẻ, đánh giá chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc để có kế hoạch biện pháp can thiệp kịp thời như: vận động cha mẹ tăng mức đóng góp cho bữa ăn

của trẻ, cải tiến cách chế biến, đẩy mạnh công tác phòng bệnh, đặc biệt với các cháu bị suy dinh dưỡng.

Việc nuôi con bằng sữa mẹ, không chỉ mang lại lợi ích với trẻ nhỏ, với các bà mẹ mà với toàn xã hội nói chung. Ta cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền khuyến khích các bà mẹ biết cách cho con bú sớm (trong nửa giờ đầu sau khi sinh), bú đúng và biết cách duy trì nguồn sữa mẹ. Hiện nay ở Việt Nam đã có chương trình sữa mẹ nhằm khuyến khích thúc đẩy, hỗ trợ, giúp đỡ các bà mẹ trong việc cho con bú sữa mẹ.

Việc xây dựng hệ sinh thái V.A.C (vườn, ao, chăn nuôi khép kín) không chỉ tạo được môi trường trong sạch, mang lại hiệu quả kinh tế cho gia đình, cho xã hội mà còn góp phần nâng cao chất lượng bữa ăn của con người, đặc biệt là cho trẻ em. Việc tạo ra lương thực, thực phẩm tại chỗ giúp cho việc tổ chức ăn uống được tiện lợi, làm giảm tỷ lệ trẻ bị thiếu các chất dinh dưỡng. Ngoài việc cung cấp các chất dinh dưỡng đầy đủ, ta còn phải hết sức chú trọng khâu giám sát vệ sinh thực phẩm. Nếu thức ăn bị ôi thiu sẽ gây ngộ độc cho trẻ, thậm chí gây nguy hiểm đến tính mạng trẻ. Để đảm bảo vệ sinh thực phẩm được tốt trong cả dây truyền chế biến món ăn cho trẻ ở trường mầm non thì bếp ăn phải được xây dựng theo cấu trúc bếp một chiều. Thức ăn được đi theo một chiều trong quá trình chế biến, không đi ngược trở lại, thức ăn tươi sống và thức ăn chín không để lẫn lộn, tránh không để chổng chéo khâu làm thức ăn sống và nấu chín. Nguồn nước để sơ chế, nấu nướng cho trẻ ăn uống phải đảm

bảo sạch. Việc lựa chọn thực phẩm phải đảm bảo tươi ngon, không bị ôi thiu, đậu lạc không bị mốc, mọt, rau quả không bị dập nát... Việc vận chuyển thực phẩm cần để riêng các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ăn ngay. Khi chế biến thực phẩm phải đảm bảo vệ sinh: sạch, chín. Nếu thức ăn chưa sử dụng hết phải được nấu lại trước khi cất đi. Khâu chia thức ăn đã nấu chín cũng phải đảm bảo vệ sinh: từ dụng cụ đựng đến nhân viên chia thức ăn (nhân viên nhà bếp và cả cô chăm sóc trẻ khi cho trẻ ăn uống).

Ta cần tuyên truyền làm tốt công tác giáo dục vệ sinh thực phẩm tới mọi đối tượng trong việc nuôi dạy trẻ.

Từ việc giám sát dinh dưỡng (dựa vào các chỉ tiêu về y tế, về sức khỏe của trẻ) để xây dựng kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng trẻ phù hợp, và đánh giá hiệu quả các chương trình hành động chăm sóc sức khỏe ban đầu, lựa chọn các biện pháp can thiệp kịp thời ta còn phải tích cực tiến hành giáo dục dinh dưỡng sao cho mỗi người đều biết phải tự chăm lo sức khỏe của mình, mỗi cộng đồng phải tự chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng. Gốc rễ dẫn đến nạn đói, nạn suy dinh dưỡng và nạn béo phì (chủ yếu với trẻ em ở thành phố, thị xã) là sự nghèo khổ, sự thiếu kiến thức.

Với chương trình hành động quốc gia về dinh dưỡng (1995 – 2000) và chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2001 – 2010, để phổ biến kiến thức dinh dưỡng cho toàn dân, ngành học Mầm non đã đưa nội dung giáo dục dinh dưỡng sức khỏe vào chương trình chăm sóc giáo dục trẻ. Tiến hành giáo dục dinh

dưỡng cho trẻ mầm non sẽ góp phần quan trọng trong chiến lược con người, tạo ra một lớp người mới có sự hiểu biết đầy đủ về vấn đề dinh dưỡng – sức khỏe, biết lựa chọn thông minh, tự giác trong ăn uống để đảm bảo sức khỏe cho mình. Công tác này còn phải được triển khai rộng rãi tới các bậc phụ huynh, các cấp lãnh đạo, chính quyền, đoàn thể, tuyên truyền về nội dung giáo dục dinh dưỡng sức khỏe để từ đó họ tự nguyện phối hợp cùng nhà trường trong việc chăm sóc nuôi dạy trẻ.

Giáo dục dinh dưỡng là công việc truyền đạt các hiểu biết về khoa học ăn uống, các kinh nghiệm quý rút ra từ cuộc sống để con người tự biết cách chăm lo việc ăn uống của mình, của gia đình, của tập thể,... ngày càng hợp lý hơn. Vì vậy đối tượng sát thực để giáo dục dinh dưỡng trong hệ thống các trường mầm non chính là:

- Các cô giáo và cán bộ công nhân viên trong trường.

- Trẻ mầm non.

- Các bậc phụ huynh.

- Các cấp lãnh đạo chính quyền, đoàn thể.

Nội dung và hình thức triển khai giáo dục dinh dưỡng tới các đối tượng sát thực trên phải hết sức rõ ràng, phù hợp mới tạo được hiệu quả đồng bộ như mong muốn. Cụ thể:

1. Nội dung và hình thức giáo dục dinh dưỡng cho cô giáo và CBCNV trong trường.

a. Nội dung.

Cô hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của dinh dưỡng liên quan đến sức khỏe, bệnh tật của trẻ. Từ đó cô xác định trách nhiệm trong công tác chăm sóc về dinh dưỡng cho trẻ.

- Cô biết nhu cầu dinh dưỡng

của trẻ em theo từng độ tuổi, biết một khẩu phần ăn như thế nào là đầy đủ và hợp lý.

- Biết giá trị dinh dưỡng của các thực phẩm thường dùng sẵn có ở địa phương.

- Biết nguyên tắc xây dựng thực đơn, khẩu phần ăn, nguyên tắc thay thế các loại thực phẩm để đảm bảo một khẩu phần đủ chất và cân đối.

- Biết cách chăm sóc trẻ khi biếng ăn, quan tâm đến những trẻ ăn yếu, động viên trẻ ăn hết suất.

- Biết những điều cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo quản và chế biến thực phẩm hợp khẩu vị cho trẻ.

- Thường xuyên theo dõi sức khỏe của trẻ bằng biểu đồ phát triển. Hiểu được ý nghĩa mục đích của việc theo dõi sức khỏe cho trẻ bằng biểu đồ phát triển.

b. Hình thức

- Tổ chức lớp học phổ biến các kiến thức về nuôi dạy, chăm sóc trẻ, về nhu cầu dinh dưỡng của trẻ.

- Tổ chức các hội thi: Cô giáo giỏi, người đầu bếp giỏi,...

2. Nội dung và hình thức giáo dục dinh dưỡng cho trẻ mầm non

a. Nội dung

- Tùy theo từng độ tuổi, có các nội dung giáo dục dinh dưỡng cho phù hợp.

- Cô cho trẻ làm quen với một số thực phẩm thông thường sẵn có ở địa phương, nhất là các thực phẩm trẻ thường được ăn: cho trẻ biết một số đặc điểm chính của thực phẩm, giá trị dinh dưỡng và một số món ăn được chế biến từ các loại thực phẩm đó.

- Cho trẻ biết con người cần được ăn uống để sống, phát triển, làm việc, học tập và vui

chơi.

- Dạy trẻ biết ăn uống đủ chất: ăn nhiều loại thức ăn, ăn hết suất, không kén chọn thức ăn, thích ăn rau.

- Khuyến trẻ ăn uống sạch sẽ, hợp vệ sinh. Rèn cho trẻ một số thói quen tốt và hành vi văn minh trong ăn uống.

- Dạy trẻ cách cầm thìa, cầm bát đúng cách, một số kỹ năng tự phục vụ: chuẩn bị phòng ăn, làm tốt nhiệm vụ trực nhật.

b. Hình thức

- Lồng ghép vào các hoạt động học tập: lồng ghép theo chủ đề, theo các môn học và trong các góc học tập.

- Lồng ghép trong hoạt động vui chơi: lồng ghép vào các trò chơi (trò chơi phân vai theo chủ đề), trong dạo chơi ngoài trời (giới thiệu các vật nuôi, cây trồng), trong trò chuyện với trẻ về các món ăn mà trẻ thích.

- Lồng ghép ở các thời điểm thích hợp: giờ ăn, giờ ngủ, đón, trả trẻ,...

- Phối hợp với các bậc cha mẹ để củng cố những điều trẻ đã học được ở trường và rèn luyện cho trẻ có thói quen tốt ở mọi lúc mọi nơi.

3. Nội dung và hình thức giáo dục dinh dưỡng cho các bậc phụ huynh.

a. Nội dung

- Thường xuyên thông báo cho phụ huynh trẻ về tình hình ăn uống, tình hình sức khỏe của trẻ ở trường, kết hợp các hình thức tuyên truyền kiến thức về dinh dưỡng trẻ em, các biện pháp phòng tránh suy dinh dưỡng, các bệnh do thiếu vi chất (vitaminA, Iốt,...).

- Tuyên truyền cho phụ huynh các kiến thức về nuôi dạy trẻ, nuôi con bằng sữa mẹ, cho trẻ ăn bổ sung hợp lý.

- Thông báo cho phụ huynh các nội dung giáo dục dinh dưỡng sức khỏe mà nhà trường đang triển khai để họ cùng phối hợp với nhà trường giáo dục trẻ.

b. Hình thức

- Tổ chức hội thi nuôi con khỏe.

- Tổ chức lớp học các kiến thức nuôi con.

- Tọa đàm nhóm nhỏ về chăm sóc nuôi dạy con.

- Góc tuyên truyền tại nhà trẻ, mẫu giáo.

- Phát tờ tranh có các nội dung về nuôi dạy trẻ, cách chăm sóc, phong bệnh cho trẻ.

- Gặp gỡ, trò chuyện giữa giáo viên và phụ huynh (lúc đón, trả trẻ).

4. Nội dung và hình thức giáo dục dinh dưỡng cho các cấp lãnh đạo chính quyền, đoàn thể.

a. Nội dung

- Tuyên truyền kiến thức về chăm sóc – giáo dục trẻ sâu rộng đến các đối tượng, đặc biệt là các cấp lãnh đạo.

- Thông báo các hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, thông báo các kết quả đạt được, ích lợi của công tác chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ hợp lý đúng cách.

b. Hình thức

- Mời dự các hội thi: Giáo viên dạy giỏi, người đầu bếp giỏi, nuôi con khỏe.

- Mời đến thăm quan trường lớp.

- Tổ chức tọa đàm các nội dung về: phương pháp nuôi dạy trẻ và chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

III. Kết luận

Để hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe có hiệu quả đến được với mọi người, mọi nhà, tùy theo hoàn cảnh thực tế

(Xem tiếp trang 75)

BIỆN PHÁP RÈN KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC CHO SINH VIÊN

Ths. Lê Thị Xuân Thu

*Bộ môn Tâm lý- Giáo dục,
Đại học Hùng Vương*

TÓM TẮT

Nghiên cứu khoa học là một hình thức tổ chức dạy học đặc thù ở Đại học, giúp sinh viên chủ động học tập, tìm tòi sáng tạo, vừa nắm vững tri thức mới, vừa luyện tập vận dụng các phương pháp nhận thức, đồng thời hình thành và rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học. Hình thức này có tác dụng rất lớn đến kết quả học tập của sinh viên. Vì vậy cần thiết phải tiến hành xây dựng các biện pháp để rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học giáo dục cho sinh viên.

1. Mở đầu

1.1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

- Trường Đại học Hùng Vương đã xác định mục tiêu của mình là đào tạo các nhà chuyên môn giỏi, có trình độ tri thức khoa học vững vàng, có khả năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đòi hỏi. Nhằm thực hiện mục tiêu này, nhà trường đã phải không ngừng tìm tòi các biện pháp để nâng cao chất lượng đào tạo và một trong những biện pháp quan trọng là cần đưa sinh viên (SV) vào hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH).

- NCKH là một hình thức tổ chức dạy học đặc thù ở Đại học, giúp SV chủ động học tập, tìm tòi sáng tạo, vừa nắm vững tri thức mới, vừa luyện tập vận dụng các phương pháp nhận thức, đồng thời hình thành và rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học. Vì vậy, hình thức này

có tác dụng rất lớn đến kết quả học tập của SV. Tuy nhiên, hiện nay việc tổ chức đưa SV vào hoạt động NCKH còn không ít khó khăn vướng mắc, các biện pháp tổ chức chưa đạt được hiệu quả cần thiết.

- Ngày 30 tháng 03 năm 2000, Bộ giáo dục đã có Quyết định số 08/2000/QĐ-BGD&ĐT ban hành quy chế NKKH của SV các trường Đại học và Cao Đẳng. Để góp phần đưa Quyết định này thành hiện thực trong các trường sư phạm, chúng tôi chọn vấn đề "Biện pháp rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục cho sinh viên" làm đề tài nghiên cứu khoa học.

1.2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất những biện pháp rèn luyện kỹ năng NCKHGD cho SV nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học giáo dục của sinh viên, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo ở trường Đại học Hùng

Wương (ĐHHV) hiện nay.

1.3. Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động NCKHGD của SV ĐHHV

1.4. Phạm vi nghiên cứu: SV từ năm thứ 2 đến năm thứ 4.

1.5. Phương pháp nghiên cứu

1.5.1. Phương pháp luận

1.5.2. Phương pháp nghiên cứu

1.5.3. Nhóm phương pháp toán học

2. Nội dung kết quả nghiên cứu

2.1. Các biện pháp rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục cho sinh viên sư phạm đại học Hùng Vương

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng NCKHGD của SV, các biện pháp rèn luyện kỹ năng NCKHGD cho SV được đề xuất như sau:

2.1.1. Sử dụng seminar có định hướng rèn luyện kỹ năng

nghiên cứu khoa học giáo dục

Định hướng chung

Là một hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở đại học, seminar giúp SV rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu sau:

- 1- Thu thập thông tin
- 2- Lựa chọn thông tin
- 3- Trích dẫn tài liệu
- 4- Sử dụng số liệu, xử lý thông tin
- 5- Vận dụng lý luận vào thực tiễn
- 6- Sử dụng các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp
- 7- Trình bày văn bản
- 8- Sử dụng máy vi tính

Để đạt được hiệu quả cao trong việc rèn luyện các kỹ năng NCKH, thì seminar phải mang tính chất nghiên cứu, có nghĩa là nội dung seminar không có sẵn trong bài học. SV không chỉ tái hiện kiến

thức cũ mà cần suy nghĩ sáng tạo. Trong seminar, SV không chuẩn bị theo các câu hỏi mà thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu dưới dạng các chủ đề.

Quy trình thực hiện seminar (xem bảng 2.1.1)

Biện pháp thực hiện

* Đối với GV:

- Một là, thiết kế nội dung: Chủ đề seminar mang tính chất nghiên cứu có định hướng rèn kỹ năng trong NCKHGD, phù hợp với mục tiêu, nội dung môn học; Câu hỏi gợi mở, dẫn dắt trong seminar; Câu hỏi phát huy tính tích cực, sáng tạo của SV

- Hai là, chuẩn bị: Bố trí quỹ thời gian, phòng học, phương tiện phù hợp với mục đích, tính chất của seminar; Chuẩn bị nguồn tài liệu để soạn thảo nội dung seminar và giới thiệu

cho SV; Giải pháp những thắc mắc, chỉnh sửa những sai lệch kiến thức cho SV khi cần thiết.

* Đối với SV: Chuẩn bị kiến thức, thái độ và kỹ năng để tham gia seminar.

Cụ thể như: Có kiến thức “điểm tựa” của môn học; Xây dựng kế hoạch tham gia seminar; Xây dựng đề cương; Tập dượt phong cách trình bày trước tập thể

2.1.2- Sử dụng bài tập môn học (BTMH), bài tập nghiên cứu sau các kiến tập sư phạm để nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nghiên cứu KHGD cho SV

Định hướng chung:

BTMH chủ yếu mang tính chất nghiên cứu - học tập và bước đầu tập dượt nghiên cứu cho SV đại học. BTMH có khả năng giúp SV rèn luyện một số

Bảng 2.1.1. Quy trình thực hiện seminar

Bước	Quy trình cũ (Dùng cho lớp ĐC)	Quy trình mới (Dùng cho lớp TN)
1	GV lựa chọn chủ đề seminar, hướng dẫn cho SV cách chuẩn bị	GV lựa chọn chủ đề seminar, định hướng và hướng dẫn SV cách chuẩn bị
2	SV chuẩn bị seminar: Đọc tài liệu tham khảo, viết tham luận	
3	GV đặt vấn đề, thông báo về đề tài nghiên cứu, nêu ra mục đích chung của việc nghiên cứu	GV đặt vấn đề và định hướng. Thông báo về đề tài nghiên cứu, nêu ra mục đích chung của việc nghiên cứu (nhấn mạnh yêu cầu về rèn luyện kỹ năng nghiên cứu (KNNC))
4	SV phát biểu vấn đề cần giải quyết	
5	SV đề xuất giả thuyết	
6	SV giải quyết vấn đề	
7	SV kiểm tra và đánh giá cuối cùng	
8		GV hướng dẫn SV xây dựng tiêu chí đánh giá KNNC thể hiện bản tham luận. SV tự chấm điểm
9	SV viết thu hoạch và nộp ngay tại lớp	
10		SV xây dựng các tiêu chí đánh giá các KNNC thể hiện trên bản thu hoạch (học cách tư duy) và tham gia đánh giá theo nhóm.
11	GV chấm điểm các bản thu hoạch, qua đó đánh giá mức độ đạt được của các kỹ năng NCKHGD. Điểm không có giá trị thay thế cho bài kiểm tra điều kiện	GV chấm điểm các bản thu hoạch qua đó đánh giá mức độ đạt được của các kỹ năng trong NCKHGD (có tham khảo thêm điểm tự chấm của SV) điểm có giá trị thay thế cho bài kiểm tra điều kiện.
12	Tổng kết rút kinh nghiệm	Tổng kết rút kinh nghiệm (có nhấn mạnh về kỹ năng nghiên cứu)

kỹ năng NCKHGD chủ yếu.

- 1- Phát hiện, lựa chọn vấn đề nghiên cứu
 - 2- Các định các nhiệm vụ nghiên cứu
 - 3- Xây dựng đề cương nghiên cứu
 - 4- Sử dụng các phương pháp nghiên cứu
 - 5- Thiết kế các phiếu điều tra
 - 6- Xử lý số liệu điều tra
 - 7- Phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu
 - 8- Sử dụng máy vi tính, ngoại ngữ
 - 9- Thực hiện kế hoạch nghiên cứu
 - 10- Sử dụng thư viện
 - 11- Thu thập, lựa chọn và xử lý thông tin
 - 12- Thực hiện các thao tác tư duy
 - 13- Vận dụng lý luận vào thực tiễn
 - 14- Trích dẫn tài liệu
- Quy trình thực hiện BTMH (xem bảng 2.1.2)

Biện pháp thực hiện:

* Đối với GV:

- Một là thiết kế đề tài có tính chất nghiên cứu, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của BTMH về NCKHGD.

- Hai là, về tổ chức: Bố trí quỹ thời gian và phương tiện hợp lý, kinh phí để trợ giúp SV; Chuẩn bị nguồn tài liệu để hướng dẫn SV thực hiện BTMH; Giải pháp những thắc mắc, chỉnh sửa sai lệch kiến thức cho SV khi cần thiết.

* Đối với SV cần chuẩn bị kiến thức, thái độ và kỹ năng để hoàn thành BTMH, cụ thể như sau:

- Một là, về kiến thức: Có kiến thức về phương pháp và phương pháp NCKHGD và kiến thức KHGD; Bài kiểm tra điều kiện từ 7 điểm trở lên

- Hai là, về thái độ: Có hứng thú, kiên trì, say mê NCKH

- Ba là, về kỹ năng: Vận dụng tổng hợp những tri thức và các phương pháp NCKH trong cả quá trình nghiên cứu, biết xử lý tài liệu và trình bày

vấn đề nghiên cứu; Xây dựng kế hoạch thực hiện BTMH; Tìm đọc những tài liệu liên quan đến tài nghiên cứu; Tập dượt và rèn luyện kỹ năng để hoàn thành BTMH

2.1.3. Sử dụng khoá luận tốt nghiệp (KLTN) để nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục

Định hướng chung:

KLTN là hình thức NCKH ở trình độ cao nhất của SV, có giá trị thay thế các môn thi tốt nghiệp. Hình thức này giúp SV củng cố, đào sâu và mở rộng và tổng hợp những tri thức, kỹ năng đã tích lũy được ở nhiều bộ môn.

KLTN yêu cầu SV phải vận dụng kiến thức của nhiều bộ môn và thể hiện được trình độ tổng hợp. Đề tài phải là một công trình nghiên cứu cụ thể do thực tiễn đề ra, kết quả nghiên cứu thường được vận dụng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn và có thể được công bố

Bảng 2.1.2 Quy trình thực hiện BTMH

Bước	Quy trình cũ (Dùng cho lớp ĐC)	Quy trình mới (Dùng cho lớp TN)
1		Cung cấp cho SV kiến thức về phương pháp NCKHGD
2	Chọn SV làm BTMH	
3	GV gợi ý một số hướng nghiên cứu, giới thiệu một số đề tài, SV đề xuất đề tài nghiên cứu	
4	SV tự tìm tài liệu ở thư viện	SV được cung cấp một số tài liệu cần thiết về phương pháp nghiên cứu
	Sử dụng BTMH của SV khoá trước để "làm mẫu bắt chước"	Sử dụng BTMH của SV khoá trước đã được GV chỉnh sửa để "làm mẫu bắt chước". GV phân tích về nội dung hình thức, phương pháp nghiên cứu, kỹ năng thực hiện của sản phẩm đã chỉnh sửa.
5	SV tự lập đề cương nghiên cứu	
6		GV chấm điểm đề cương, chỉnh sửa đề cương trên lớp để giúp SV chính xác hoá đề cương nghiên cứu
7		Chọn SV làm BTMH
8	SV thực hiện kế hoạch, viết bài hoàn thành đề tài nghiên cứu	
9	Chấm điểm sản phẩm theo tiêu chí đã xây dựng, qua đó đánh giá mức độ đạt được của các kỹ năng trong NCKHGD	
10	Tổng kết rút kinh nghiệm	Tổng kết rút kinh nghiệm (có nhấn mạnh về kỹ năng nghiên cứu)

Bảng 2.1.3 Quy trình thực hiện KLTN

Bước	Quy trình cũ (Dùng cho lớp ĐC)	Quy trình mới (Dùng cho lớp TN)
1	Chọn SV làm KHTN	
2	Cung cấp kiến thức NCKHGD trên lớp	
3	Sử dụng KLTN của SV khoá trước để "làm mẫu bắt chước"	Sử dụng KHTN của SV khoá trước đã được GV chỉnh sửa để "làm mẫu bắt chước". GV phân tích về nội dung hình thức, phương pháp nghiên cứu, kỹ năng thực hiện... của sản phẩm đã chỉnh sửa.
4	SV làm đề cương nghiên cứu, GV chỉnh sửa	
5		SV báo cáo đề cương nghiên cứu trước tổ bộ môn SV được phát bản ghi những điều cần lưu ý khi nghiên cứu
6	SV tự thực hiện kế hoạch nghiên cứu	SV thực hiện kế hoạch nghiên cứu dưới sự kiểm tra của GV
7	SV chuẩn bị bảo vệ đề tài	
8	SV bảo vệ đề tài trước hội đồng chấm KLTN	
9	Chấm điểm sản phẩm theo tiêu chí đã xây dựng, qua đó đánh giá mức độ đạt được của các kỹ năng NCKHGD	
10	Tổng kết rút kinh nghiệm	

rộng rãi. Vì vậy, để hoàn thành KLTN, SV cần có các điều kiện: Kiến thức chương trình học 4 năm chuyên ngành đào tạo; Các kiến thức khoa học liên ngành; Phương pháp NCKH cụ thể; Lý luận có số liệu hoặc thực tiễn chứng minh; Tính độc lập và sáng tạo trong học tập và nghiên cứu

Quy trình thực hiện KLTN (xem bảng 2.1.3)

Biện pháp thực hiện:

* Đối với GV:

- Một là, thiết kế đề tài có tính chất nghiên cứu, phù hợp với mục tiêu yêu cầu của KLTN về NCKHGD.

- Hai là về tổ chức: Bố trí quỹ thời gian, phương tiện, kinh phí để trợ giúp cho SV; Chuẩn bị nguồn tài liệu để hướng dẫn SV thực hiện KLTN; Giải pháp những thắc mắc, chỉnh sửa sai lệch kiến thức, phương pháp NCKHGD cho SV khi cần thiết.

* Đối với SV, cần có kiến thức, thái độ và kỹ năng để hoàn thành KLTN có chất

lượng. Cụ thể như sau:

- Một là, về kiến thức: Có kiến thức về phương pháp NCKHGD và KHGD; Đáp ứng yêu cầu của Bộ giáo dục và đào tạo về các điều kiện thực hiện KLTN của SV.

- Hai là, về thái độ: Có hứng thú, kiên trì, say mê NCKH

- Ba là, về kỹ năng: Xây dựng kế hoạch thực hiện KLTN; Tìm đọc những tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu; Tập dượt và rèn luyện kỹ năng để hoàn thành KLTN.

3. Kết luận

Ba biện pháp nhằm rèn luyện kỹ năng NCKHGD cho SV được đề xuất, các biện pháp có quy trình thực hiện. Rèn luyện kỹ năng NCKHGD nhằm nâng cao chất lượng NCKHGD của SV là nhiệm vụ quan trọng của nhà trường hiện nay, đòi hỏi phải có các biện pháp đồng bộ, có tính liên hoàn, và khả thi. Để các biện pháp như thế thực hiện được, cần có sự kết hợp của nhiều cá nhân, nhiều bộ phận chức năng

liên quan. Hi vọng rằng kết quả nghiên cứu sẽ góp phần thiết thực nâng cao chất lượng đào tạo của trường ĐHHV trước yêu cầu đổi mới giáo dục đại học hiện nay. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ackhanghenxki S.I (1979), Những bài giảng lý luận dạy học ở trường đại học, Cục Đào tạo bồi dưỡng, Hà Nội.
2. Nguyễn Như An (1990), Phương pháp dạy học giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Như An (1993), Hệ thống kỹ năng giảng dạy trên lớp về chuyên môn Giáo dục học và quy trình rèn luyện hệ thống đó cho SV khoa học tâm lý Giáo dục, Luận án phó tiến sĩ Khoa học Sư phạm - Tâm lý, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000). Quyết định số 08/2000/QĐ ngày 30/30/2000 về việc ban hành quy chế nghiên cứu khoa học của sinh viên các trường đại học và cao đẳng, Hà Nội.
5. Phạm Việt Vương (1996), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Hà Nội.

Từ Quốc lễ Giỗ tổ Hùng Vương nghĩ về sự trường tồn của dân tộc

TS. Nguyễn Danh Bình

Đất tổ Phong Châu ngày Quốc giỗ.

Xuyên qua mang mang khói mây huyền thoại mấy ngàn năm, ta như thấy các Vua Hùng cùng thần dân đang cày ruộng. Và lớp lớp đàn chim lạc đang sải cánh bay về đậu lên mặt trống đồng. Lịch sử đã khắc ghi các thế hệ vua Hùng nối tiếp nhau dựng lên nước Văn Lang của người Việt cổ. Nước Văn Lang với nền văn minh lúa nước và nền văn minh sông Hồng rực rỡ đã tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc phong phú và độc đáo, đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ và dài lâu của dân tộc Việt Nam. Vùng đất xưa, nơi các vua Hùng lập nghiệp và nằm xuống trở thành Đất Tổ. Người Việt Nam chúng ta hôm nay hành hương tìm về Đất Tổ chính là tìm về cội nguồn dân tộc, là thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn.

Ngay từ buổi đầu dựng nước gian nan, cùng với việc sáng tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc, người dân Việt cũng hình thành được những nét đẹp truyền thống. Một trong những nét đẹp đó chính là lối sống cộng đồng, là tinh thần đoàn kết. Qua hình ảnh vua Hùng cùng người dân cày ruộng có thể thấy được sự gắn gũi, gắn bó, hòa đồng giữa người lãnh đạo cao nhất của đất nước với người dân thường. Lối sống như vậy trải qua mấy ngàn năm đã được kế thừa trở thành truyền thống và được thể hiện rõ nét trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trong bài "Cáo bình Ngô" Nguyễn Trãi đã từng viết: "Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào"; bài cáo này được viết sau khi nhân dân ta toàn thắng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược của nhà Minh (1428). Trong tiếng Việt, có một khái niệm thật hay, thật độc đáo dường như không thấy có ở ngôn ngữ của các dân tộc khác, đó là khái niệm "đồng bào". Khái niệm này gắn với truyền thuyết mẹ Âu Cơ sinh bọc trăm trứng với trăm người con trong cùng một bọc. Khái niệm "đồng bào" (người cùng một bọc) vì thế có ý nghĩa thật thiêng liêng: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam, người Việt Nam nói chung đều có quan hệ ruột thịt với nhau, có tình cảm thân thương như người một nhà. Với ý nghĩa như vậy thì mọi người Việt Nam dù thuộc tộc người nào, dù ở trong nước hay ngoài nước đều có chung một cội nguồn và một ngày Giỗ Tổ. Tìm về đất Tổ, hướng về ngày Giỗ Tổ Hùng Vương là hướng về tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc - yếu tố tạo nên sức mạnh nội sinh của dân tộc trong suốt cuộc trường chinh dựng nước và giữ nước hôm qua, hôm nay và mãi mãi về sau.

Dựng nước đã là gian nan nhưng giữ nước mới gian nan gấp bội phần vì thời gian là dòng chảy vô tận, làm sao cho đất nước mình, dân tộc mình được trường tồn, và trường tồn một cách bền vững, sánh vai được với các nước phát triển trên thế giới. Chúng ta khắc ghi trong tâm khảm lời dạy của Bác Hồ: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Giữ lấy nước cũng chính là lễ sống, lý tưởng sống, là con đường mà Hồ Chí Minh đã chọn và chỉ ra cho cả dân tộc cùng đi. Chúng ta nguyện đoàn kết muôn người như một, đi theo con đường mà Bác đã đi, vì dân, vì nước, vì sự trường tồn và tương lai tươi sáng của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, đi trên con đường sáng Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã đánh thắng nhiều kẻ thù xâm lược, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, bảo vệ vững chắc chủ quyền của đất nước, làm rạng rỡ thêm truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam. Truyền thống dựng nước và giữ nước tốt đẹp của dân tộc cũng đang được tiếp tục phát huy trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước hiện nay.

Năm 2010 này, Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng được tổ chức trọng thể nằm trong Chương trình tổng thể hướng tới Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Thông qua hoạt động của Quốc lễ, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc được thể hiện, văn hóa dân tộc được tôn vinh gắn với văn hóa hiện đại. Đây cũng là dịp thúc đẩy tăng cường việc giáo dục truyền thống yêu nước, đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" cho mọi người dân, đặc biệt là cho thế hệ trẻ, nhất là học sinh, sinh viên - những người sẽ làm nên tương lai của đất nước. Trong không khí thiêng liêng của Quốc lễ Giỗ Tổ Hùng Vương, với niềm tự hào dân tộc và lòng thành kính hướng về nguồn cội, suy nghĩ về sự trường tồn của dân tộc, chúng ta càng thấy ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt của việc chăm lo cho sự nghiệp "trồng người". Bởi giáo dục là tương lai, tiền đở của dân tộc; giáo dục suy - vận nước suy, giáo dục mạnh - đất nước sẽ cường thịnh. Phần đầu cho sự nghiệp phát triển nền giáo dục nước nhà, đó là một trong những công việc thiết thực quan trọng thể hiện tấm lòng của thế hệ hôm nay hướng về ngày giỗ Tổ.

Từ GD&ĐT

Dự thảo Nghị định về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo:

NHÀ GIÁO CÔNG TÁC ĐỦ 5 NĂM BẮT ĐẦU ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN

(GD&ĐT)-Nhà giáo có đủ 5 năm làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục mức phụ cấp thâm niên được tính hưởng bằng 5%. Từ năm thứ sáu trở đi (đủ 12 tháng) mỗi năm được tính thêm 1%.

Nội dung này được đưa ra tại dự thảo Nghị định về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo Bộ GD&ĐT vừa công bố lấy ý kiến rộng rãi.

Đối tượng được quy định về chế độ phụ cấp thâm niên tại dự thảo Nghị định này là nhà giáo đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục ở cơ sở giáo dục công lập, đã được chuyển, xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Nhà giáo làm công tác quản lý giáo dục tại phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ ở các cơ sở giáo dục công lập và làm công tác quản lý, tham mưu, chỉ đạo về giáo dục, dạy nghề ở cơ quan trung ương và địa phương.

Với nhà giáo đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu sau ngày 31/3/1993, được tính hưởng phụ cấp thâm niên theo mức phụ cấp thâm niên của cá nhân tại thời điểm ngày 31/3/1993.

Thời gian tính hưởng phụ cấp là thời gian làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập và thời gian làm công tác quản lý giáo dục tại phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ ở các cơ sở giáo dục công lập, làm công tác quản lý về giáo dục, dạy nghề ở cơ quan trung ương, địa phương;



Thời gian hưởng phụ cấp thâm niên ở các ngành nghề khác được tính như thời gian làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục.

Thời gian không tính hưởng là thời gian tập sự, thử việc hoặc thời gian hợp đồng làm việc lần đầu; thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên; thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Nguồn kinh phí thực hiện phụ cấp thâm niên đối với cơ sở giáo dục công lập được sử dụng từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị và nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp. Đối với cơ quan hành chính và cơ quan bảo hiểm xã hội, nguồn kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên do ngân sách nhà nước cấp.

Chế độ phụ cấp phụ cấp thâm niên quy định tại Nghị định này được tính hưởng kể từ ngày 01/01/2010.

Hiếu Nguyễn

Đúc trống đồng dâng vua Hùng

Sáng 20/2, liên chi hội di sản văn hóa Lam Kinh (Thanh Hóa) đã làm lễ chập lò, nhập linh đúc 37 trống đồng để dâng tặng khu di tích đền Hùng, khu di tích Hồ Chí Minh.

Nghi lễ được tổ chức tại cơ sở đúc đồng Nguyễn Minh Tuấn, xã Quảng Ninh (Quảng Xương, Thanh Hóa). Tham dự buổi lễ có đại diện Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch cùng lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa và nhân dân trong vùng.

Ông Hồ Quang Sơn, Chủ tịch Liên chi hội di sản văn hóa Lam Kinh, cho biết trong số 37 trống đồng được đúc, 18 chiếc sẽ được dâng tặng khu di tích lịch sử đền Hùng nhằm phục vụ cho hoạt động văn hóa dân gian trong thời gian diễn ra lễ hội đền Hùng; 18 chiếc tặng Bộ Ngoại giao để gửi tặng các đại sứ quán Việt Nam tại một số nước. Chiếc còn lại có đường kính mặt trống 88 cm, cao 68 cm dâng tặng khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ chủ tịch.

Ngay buổi khai lễ, các nghệ nhân đã chập lò và đúc hoàn thành một trống đồng trước sự chứng kiến của hàng trăm quan khách.

"Để đúc chiếc trống có họa tiết, hoa văn đẹp, âm vang xa và trong đời đời sự công phu, tỉ mỉ



Nghệ nhân Thanh Hoá rót đồng vào khuôn đúc trống. Ảnh: Lam Sơn.

trong từng chi tiết. Những chiếc trống tới đây chúng tôi sẽ đúc hết sức công phu, cẩn thận, đó cũng là thể hiện sự linh thiêng, mang hồn của sông núi nước Việt", nghệ nhân Nguyễn Minh Tuấn cho biết.

Dự án sẽ được hoàn thành trước ngày 7/4 (mùng 5/3 âm lịch), số còn lại sẽ hoàn thành trước 28/8 để trao tặng Bộ Ngoại giao vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Bộ Ngoại giao.

Lam Sơn

Hội nghị quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2010 – 2015

Ngày 30/12/2010, Đảng bộ trường Đại học Hùng Vương đã tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2010 – 2015.

Hội nghị nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2010 – 2015 với chủ đề: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị; khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, sớm đưa Phú Thọ ra khỏi tình nghèo, tạo nền tảng đến năm 2020 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp.

Cũng trong hội nghị này ThS Nguyễn Ngọc

Cường - Trưởng bộ môn Lý luận chính trị, báo cáo viên của Đảng bộ đã cung cấp cho Hội nghị những thông tin chính trị nóng bỏng đang diễn ra tại Việt Nam và trên thế giới: Thực trạng Tây Nguyên, Tây Bắc hiện nay, tầm quan trọng trong chính sách tôn giáo, dân tộc Việt Nam... Đặc biệt, Hội nghị đã được xem đoạn video tư liệu 10 vấn đề nóng bỏng nhất về tình hình quân sự chính trị thế giới năm 2010.

Đây là cơ hội giúp đảng viên trong toàn trường nâng cao nhận thức về Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVII và tình hình chính trị năm 2010 một cách tổng quát và thực tiễn.

Phòng CTCT&HSSV

HỘI NGHỊ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC, LIÊN THÔNG VÀ TRUNG CẤP SỬ PHẠM NĂM HỌC 2010 - 2011

Ngày 25/1/2011, nhà trường đã tổ chức Hội nghị công tác đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học, liên thông và trung cấp sử phạm năm học 2010 - 2011.

Dự Hội nghị có lãnh đạo nhà trường và các cán bộ phòng chức năng, lãnh đạo các khoa, bộ môn trực thuộc nhà trường cùng các đồng chí lãnh đạo các trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ.

Trong bài phát biểu khai mạc Hội nghị, PGS. TS Cao Văn - Hiệu trưởng nhà trường đã nhấn mạnh tầm quan trọng và những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo hệ VLVH, liên thông và trung cấp sử phạm của nhà trường, trong đó rất chú trọng đến chất lượng và quy mô phát triển các loại hình đào tạo.

Báo cáo của phòng Đào tạo do Th.s Dương Bích Liên - P. Trưởng phòng trình bày đã nêu khái quát chung về công tác đào tạo; đánh giá tình hình công tác phối hợp tổ chức đào tạo giữa trường Đại học Hùng Vương và những đơn vị khác trong khu vực.

Trong những năm qua, nhà trường đã đào tạo được hàng ngàn học sinh, học viên của nhiều ngành khác nhau đóng góp một nguồn lực lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ và khu vực. Hội nghị đã diễn ra trong bầu không khí sôi nổi với nhiều ý kiến thiết thực và ý nghĩa.

Phòng CTCT&HSSV



Toàn cảnh Hội nghị công tác đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học, liên thông và trung cấp sử phạm năm học 2010 - 2011



PGS.TS Cao Văn - Hiệu trưởng nhà trường phát biểu khai mạc Hội nghị

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DINH DƯỠNG ...

(Tiếp trang 67)

từng địa phương, từng trường mầm non mà chọn lọc và vận dụng các hình thức phù hợp.

Hoạt động giáo dục dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em là yêu cầu cấp bách. Đây là nhiệm vụ chung của toàn dân, của tất cả các ban ngành, đoàn thể. Chúng tôi, những người đang công tác trong lĩnh vực chăm sóc giáo dục mầm non rất tha thiết mong muốn tất cả mọi

người bắt tay cùng chúng tôi, quan tâm, sẻ chia, phối hợp hợp tác cùng chúng tôi vì sức khỏe trẻ em, vì sức khỏe cộng đồng ngày một tốt hơn. □

IV. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Mai Chi, Nguyễn Kỳ Minh Nguyệt, Nguyễn Tố Mai. Dinh dưỡng trẻ em. NXB Giáo dục, 1998
2. Chương trình Quốc gia phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em ở cộng đồng. Viện dinh dưỡng, 1994.
3. GS. Hà Huy Khôi, GS Từ Giấy.

Dinh dưỡng hợp lý và sức khỏe. NXB Y học, 1998.

4. Khoa dinh dưỡng vì sức khỏe và sự phát triển - Tổ chức Y tế Thế giới. Ăn bổ sung - thức ăn gia đình cho trẻ đang bú mẹ. NXB Giao thông vận tải, 2003.

5. Nguyễn Tố Mai, Nguyễn Thị Hồng Thu. Dinh dưỡng trẻ em. NXB Giáo dục, 1998.

6. Nguyễn Thị Phong, Nguyễn Kim Thanh - Bs. Lại Kim Thuý. Chăm sóc sức khỏe trẻ em từ 0 - 6 tuổi. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1995.

7. Bộ Y tế - Viện Dinh dưỡng. Dinh dưỡng thường thức trong gia đình. NXB Phụ nữ, 2001.

KHAI GIẢNG LỚP KHUYẾN NÔNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG - PHÚ THỌ

Khai giảng lớp khuyến nông tại Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ

Nhằm trang bị các kiến thức kỹ thuật cơ bản cho cán bộ làm công tác khuyến nông, nâng cao trình độ giảng dạy về kỹ thuật nông nghiệp mà các cán bộ khuyến nông cần có trong công tác của mình, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Trường Đại học Hùng Vương mở lớp tập huấn kỹ thuật và nghiệp vụ khuyến nông cho cán bộ khuyến nông các tỉnh và thành phố phía bắc.

Ngày 12/1/2011, Trường Đại học Hùng Vương đã tổ chức khai giảng lớp nghiệp vụ khuyến nông với 40 học viên.

Lớp tập huấn sẽ diễn ra trong 5 ngày, các học viên được trang bị những kiến thức chung về khuyến nông, một số kỹ năng nâng cao hiệu quả về kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động khuyến nông.

Trong thời gian tập huấn, các học viên sẽ được học hỏi, trao đổi kinh nghiệm với những cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao; có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy; có tinh thần trách nhiệm và khả năng đáp ứng nhu cầu của lớp học. Đồng thời, các học viên sẽ được tham gia thực hành kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động khuyến nông cụ thể với sự tham gia hướng dẫn trực tiếp của các giảng viên.

Phòng CTCT & HSSV



Toàn cảnh Lễ khai giảng lớp nghiệp vụ khuyến nông tại Trường Đại học Hùng Vương năm 2011 - nói



Th.S Nguyễn Quang Tiến -
Trưởng phòng Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế phát
biểu tại buổi lễ



Th.S Nguyễn Ngọc Minh Tuấn - Cán bộ Trung tâm hợp
tác đào tạo chủ trì buổi lễ



Cán bộ nhà trường cùng 40 học viên chụp ảnh lưu niệm

Sẽ xây dựng khu ĐH tập trung theo 'BA CHUNG'?

Tương lai, ngoại thành Hà Nội sẽ có 8 khu ĐH tập trung ở Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Phú Xuyên và Chúc Sơn. Những khu ĐH tập trung sẽ được xây dựng theo mô hình nào đang là mối quan tâm của lãnh đạo các trường ĐH.

Ba mô hình

"Mỗi một trường ĐH theo bố trí cơ cấu hiện đại bao giờ cũng phải tuân theo sự phân khu chức năng chặt chẽ gồm các khu chức năng: Học tập, các trung tâm (hiệu bộ, hành chính, văn hóa, thông tin, thư viện); khu ở, dịch vụ, nghiên cứu khoa học, thể dục thể thao, nghỉ ngơi".

Hơn 30 làm nghiên cứu thiết kế trường học - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thiết kế trường học (Bộ GD và ĐT) kiến trúc sư, tiến sĩ Trần Thanh Bình đúc rút.

Các khu chức năng tùy theo quy mô và mô hình tổ chức có các sơ đồ phân khu chức năng của ĐH đơn ngành, ĐH đa ngành, ĐH vùng và ĐH quốc gia.

Do đó, về lý thuyết và thực tiễn ứng dụng, khu ĐH tập trung bao gồm 3 mô hình sau:

Thứ nhất là tập hợp các trường độc lập được xếp cạnh nhau trong cùng một khu đất, đóng vai trò là một khu chức năng chuyên ngành của thành phố.

Mô hình này chú trọng việc ưu tiên các liên hệ nội tạng của từng trường, có để ra hướng đảm bảo sự độc lập tối đa cho từng trường. Do đó, khu ĐH trong trường hợp này chỉ dừng ở phạm vi là một đơn vị đô thị bình thường có những trung tâm dịch vụ và văn hóa phục vụ cho những đơn vị đô thị nhất định. Chính vì vậy mà những ưu việt của tính chất khu không được phát huy.

Mô hình thứ hai là xây dựng một ĐH có quy mô lớn bao gồm các trường, khoa thành viên, có một sự quản lý nội tại chặt chẽ như một đơn vị đô thị độc lập với thành phố.

Mô hình này chú trọng tới việc tổ chức các khu



Ông Trần Thanh Bình. Ảnh: Kiều Oanh

chức năng chung, nhằm sử dụng đến tối đa các công trình của tất cả các khu chức năng. Và mô hình này chỉ thật sự chứng minh được tính ưu việt của nó khi con số sinh viên và tính chất cũng như số lượng trường thành viên trong khu có giới hạn.

Vấn đề của mô hình này là giới hạn số sinh viên trong Khu ĐH (trong thực tế, mô hình này thích hợp với các Đại học vùng, Đại học quốc gia).

Mô hình thứ ba là liên hợp các trường ĐH, CĐ độc lập về cơ sở đào tạo nhưng lại có cơ sở, trung tâm dùng chung khác (thư viện - thông tin thư viện, hội nghị hội thảo, thể dục thể thao, khu ở và dịch vụ).

Ông Bình phân tích, mô hình này thực tế đã xuất phát từ cơ cấu chức năng của từng trường thành viên, trong đó giữ lại cho từng trường tính đặc thù được thể hiện rõ nhất trong khu chức năng cơ bản khu học tập. Còn lại, các khu chức năng khác ít nhiều mang những nhiệm vụ giống nhau nên có khả năng tạo thành những khu chức năng chung.

Đây chính là mô hình liên kết sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo tiền đề cho các mô hình liên thông trong đào tạo và sử dụng chuyên gia, đội ngũ giáo sư, xây dựng hệ thống kỹ thuật hạ tầng đồng bộ, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai và công trình, nhằm phát huy hiệu quả cơ sở

đào tạo và nghiên cứu, phát triển nguồn nhân lực trong khu vực.

Đặc biệt, việc sử dụng liên thông giữa các trường trong khu cho phép tiết kiệm khoảng gần 30% diện tích đất.

Như vậy nếu được lựa chọn, khu ĐH tập trung được tổ chức như một Đô thị đặc thù (tính chất cư dân, quan hệ xã hội, cơ cấu chức năng, mật độ xây dựng...) là một tổ hợp kiến trúc đa chức năng (học tập, nghiên cứu, sản xuất, thực hành, sinh hoạt, nghỉ ngơi, dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao).

Chọn mô hình "ba chung"?

Ông Bình nêu trên kinh nghiệm thực tiễn, các nước đều hướng đến xây dựng khu ĐH tập trung theo mô hình thứ ba để làm sao khai thác được 3 nguồn tài nguyên quan trọng nhất của trường Đại học : đất đai, cơ sở vật chất - hạ tầng kỹ thuật và con người.

Tức là "anh" phải tận dụng, đảm bảo xu hướng quốc tế - trường ĐH được thiết kế theo xu hướng mở để các trường có điều kiện giao lưu. Khi nhiều trường tập trung trên một khu đất thì tiêu chuẩn/đầu sinh viên cũng hạ xuống.

Khi đã các trường đã cụm hóa lại được thì người thầy giỏi đi từ trường này sang trường khác có thể tận dụng được rất nhiều...

Về cơ bản, khu ĐH tập trung hạn chế việc chia đất phân lô cho từng trường xây khép kín mà hình thành các tổ hợp các trường ĐH, CĐ của 2, 3 hoặc

nhiều trường, bao gồm những trường ĐH, CĐ thành lập mới; các trường di dời toàn bộ hoặc di dời một phần từ nội thành ra;

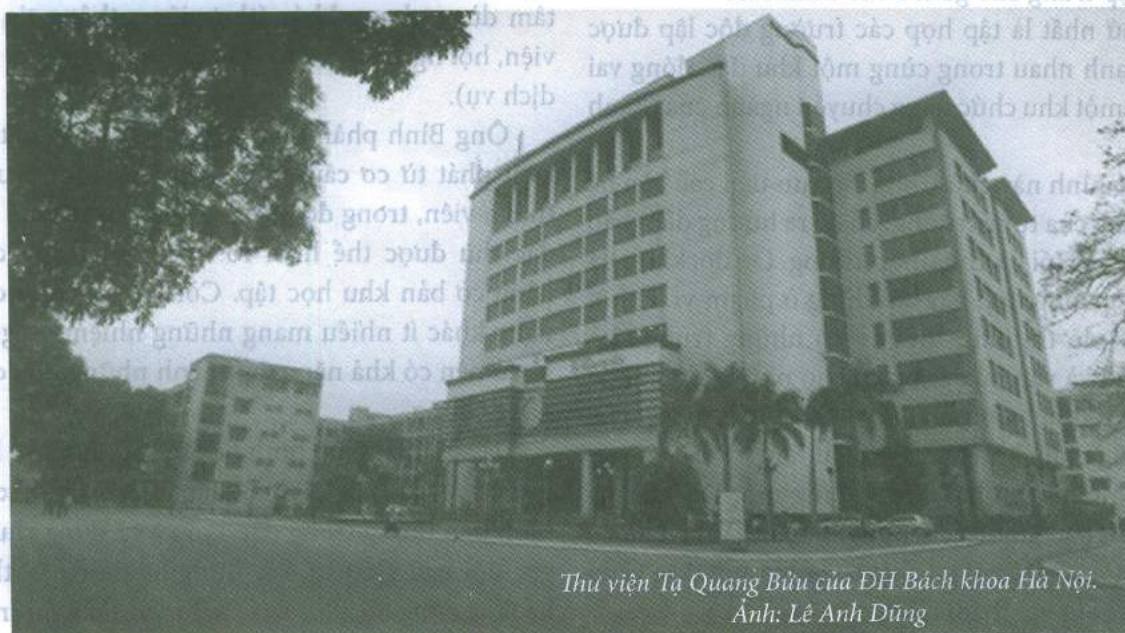
Theo đó, khu ĐH tập trung dự kiến sẽ được quy hoạch theo hướng "ba chung": Khu sử dụng chung bao gồm các công trình phục vụ cho hoạt động đào tạo -nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của các trường trong khu ĐH (trung tâm điều hành; trung tâm thư viện, thông tin lưu trữ, phòng thí nghiệm trọng điểm...). Mỗi trường sẽ có khu học tập riêng.

Khu thể dục thể thao phục vụ cho các trường trong khu ĐH gồm sân vận động, nhà thi đấu bể bơi...Và các khu nội trú sinh viên, nhà công vụ, dịch vụ công cộng... của khu ĐH tập trung sẽ được đưa vào dùng chung.

Ba năm trở lại đây, đã có những đề xuất thể nghiệm các mô hình khu ĐH tập trung bao gồm nhiều trường ĐH hoặc CĐ, trong đó có tổ chức những phần tử chung đa phương và song phương bên cạnh những phần tử riêng có quy mô khác nhau.

Đó là các khu ĐH đã triển khai quy hoạch và bắt đầu xây dựng ở quy mô nhỏ như Sài Gòn - Long An (180 ha); Kinh Bắc (gần 200 ha), chủ yếu dành cho các ĐH ngoài công lập; Khu ĐH Phố Hiến (Hưng Yên) quy mô 1.000 ha mới được phê duyệt chủ trương...ông Bình cho biết.

Kiều Oanh (Ghi)



Thư viện Tạ Quang Bửu của ĐH Bách khoa Hà Nội.
Ảnh: Lê Anh Dũng

Trường Đại học Hùng Vương tham gia SÀN GIAO DỊCH VIỆC LÀM LẦN THỨ IV

Trường Đại học Hùng Vương là nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Phú Thọ. Ngày 21/11/2010 và ngày 22/11/2010, Trường Đại học Hùng Vương đã tham gia sàn giao dịch việc làm Phú Thọ tại Trung tâm giới thiệu việc làm Phú Thọ lần thứ IV, do Trung tâm Giới thiệu việc làm tổ chức với nội dung:

Giới thiệu về sự phát triển chung của Nhà trường, quảng cáo giới thiệu các ngành đào tạo; cung cấp thông tin số lượng sinh viên các ngành đào tạo tốt nghiệp ra trường hàng năm và các hoạt động khác của Nhà trường.

Thông báo nhu cầu tuyển sinh, quy trình tuyển sinh và các thông tin về các ngành nghề tuyển sinh trên địa bàn tỉnh và trong khu vực.

Tổ chức đăng ký đào tạo và tuyển sinh gồm: Tư vấn giới thiệu việc làm, các ngành nghề đào tạo; cung cấp hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ đăng ký học.

Thông báo công tác tuyển dụng cán bộ giảng viên.

Qua buổi tham gia sàn giao dịch việc làm, Trường Đại học Hùng Vương đã giúp các ứng viên giải đáp tất cả những thắc mắc và được tư vấn những vấn đề chưa rõ hoặc chưa biết trong đào tạo tuyển sinh đại học, sau đại học,... của nhà trường. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện tốt về giảng dạy, cơ sở vật chất,... giúp sinh viên học tập và rèn luyện trong môi trường giáo dục lành mạnh và không khí thi đua sôi nổi của sinh viên toàn trường.



Cán bộ Nhà trường tư vấn cho sinh viên tại sàn giao dịch việc làm Phú Thọ



PGS. TS Cao Văn- Hiệu trưởng Nhà trường đi thăm quan sàn giao dịch việc làm Phú Thọ



Toàn cảnh sàn giao dịch việc làm Phú Thọ



Lãnh đạo và Cán bộ giảng viên Trường Đại học Hùng Vương tại sàn giao dịch việc làm Phú Thọ.

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2011

Trường Đại học Hùng Vương thông báo tuyển sinh đào tạo Sau đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin năm 2011, chương trình hợp tác đào tạo với Đại học Bách Khoa Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh:

- Thạc sĩ Công nghệ thông tin;
- Chỉ tiêu tuyển sinh: 30 học viên.

2. Điều kiện dự tuyển:

- Về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành CNTT hoặc ngành gắn với chuyên ngành dự thi (Toán tin, Điện tử viễn thông, Điều khiển tự động, Tin học công nghiệp, SP kỹ thuật tin);

- Về kinh nghiệm công tác: Sinh viên tốt nghiệp

loại khá, giỏi đúng chuyên ngành được dự thi ngay sau khi công nhận tốt nghiệp. Những trường hợp khác phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

3. Đăng ký dự tuyển và ôn tập tạo nguồn:

- Thời gian bán và nhận hồ sơ: từ 20/2-3/3/2011
- Dự kiến thời gian ôn tập: 12/5/2011

4. Môn thi tuyển, thời gian thi tuyển:

- Toán cao cấp, Môn cơ sở và Tiếng Anh
- Dự kiến thời gian thi tuyển: tháng 09/2011 tại trường Đại học Bách Khoa

5. Địa điểm đào tạo:

Cơ sở 1 trường Đại học Hùng Vương, Phường Nông Trang, TP Việt Trì

Mọi chi tiết xin liên hệ:

Trung tâm Hợp tác đào tạo, Trường Đại học Hùng Vương

- VP cơ sở 1: Phường Nông Trang, TP Việt Trì
- VP cơ sở 2: Phường Hùng Vương, TX Phú Thọ
- ĐT: 02103.714268; DD: 0912.352938; 0912.839333

ĐÀO TẠO THEO PHƯƠNG PHÁP "PROJECT-BASED-TRAINING"

Các triết lý đào tạo đã tiến những bước dài trong sự phát triển. Từ khái niệm giáo viên - người dạy dỗ sang giảng viên - người giới thiệu và truyền đạt kiến thức và sau đó sang người hướng dẫn đưa vị thế người học ngày càng chủ động hơn. Kiến thức được đào tạo qua đó cũng được thay đổi từ dạng đọc chép sang thảo luận và hiện nay là mô phỏng thực tế.

Nhận thức sâu sắc rằng với người học thì việc thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp là điều quan trọng trên hết cho sự nghiệp tương lai, Hệ Cao đẳng thực hành Trường Đại học FPT sử dụng thực tiễn làm bài học. Nhiệm vụ và đồ án của mỗi học kỳ sẽ được giới thiệu ngay từ đầu và mỗi môn học là các bước giải quyết vấn đề thực tiễn. Do đó, quá trình học sẽ là quá trình tìm tòi, nâng cao hiểu biết và kỹ



năng nhằm giải quyết mục tiêu cho trước theo phương pháp đào tạo project-based training. Theo đó, chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng dự án (project-based) cho từng học kỳ, và bài tập thực tế (case study) cho từng môn học.

Với phương pháp trên, sinh viên sẽ trưởng thành thực sự qua công việc và dễ dàng thích nghi đồng thời thành thực các kỹ năng làm việc cần thiết khi bắt đầu sự nghiệp. □